

ĐỀ BÀI

PHẦN I. PHẦN TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN NHIỀU LỰA CHỌN (5,0 ĐIỂM)

Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 20. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn 1 phương án.

Câu 1: <NB> Trong các cách viết sau, cách viết nào cho ta phân số?

- A. $\frac{1,1}{8}$. B. $\frac{4,8}{1,5}$. C. $\frac{7}{0}$ D. $\frac{-2}{15}$.

Câu 2: <TH> Kết quả của phép chia $-5 : \frac{1}{2}$ là

- A. $\frac{-1}{10}$. B. -10 C. 10. D. $\frac{-5}{2}$.

Câu 3: <NB> Số nghịch đảo của $-\frac{7}{8}$ là

- A. $\frac{8}{7}$. B. $\frac{7}{8}$. C. $-\frac{7}{8}$. D. $-\frac{8}{7}$.

Câu 4: <TH> Giá trị của biểu thức $\frac{-1}{2} + \frac{-3}{4}$ là

- A. $-\frac{5}{4}$. B. $-\frac{1}{8}$. C. $-\frac{1}{2}$. D. $-\frac{1}{4}$.

Câu 5: <VD> Biết số học sinh lớp 6A là 30 em và chiếm 25% số học sinh của khối 6, số học sinh của khối 6 là

- A. 75. B. 55. C. 120. D. 60.

Câu 6: <NB> 20% của $-\frac{1}{8}$ là

- A. -40. B. -80. C. $-\frac{1}{20}$. D. $-\frac{1}{40}$.

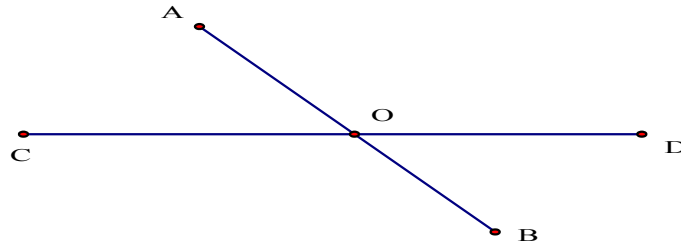
Câu 7: <TH> Số thập phân $-254,6$ được chuyển thành phân số thập phân là

- A. $\frac{-2546}{10}$. B. $\frac{-2546}{100}$. C. $\frac{2546}{10}$. D. $\frac{2546}{10000}$.

Câu 8: <TH> Kết quả phép tính $1,3 + 3,4 - 4,7 + 5,6 - 4,3$ là:

- A. 1,3 B. 3,4 . C. 12,8 . D. -4,3 .

Câu 9: <NB> Hình vẽ dưới đây có bao nhiêu đoạn thẳng?



- A. 2. B. 4. C. 6. D. 5.

Câu 10: <NB> Cho I là trung điểm của đoạn thẳng AB . Biết $AB = 8cm$, độ dài đoạn thẳng IB là

- A. $16cm$ B. $2cm$ C. $8cm$ D. $4cm$

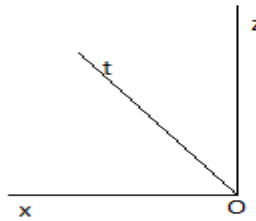
Câu 11: <NB> Các góc trong hình vẽ sau là:

A. $\angle xOt, \angle tOz$.

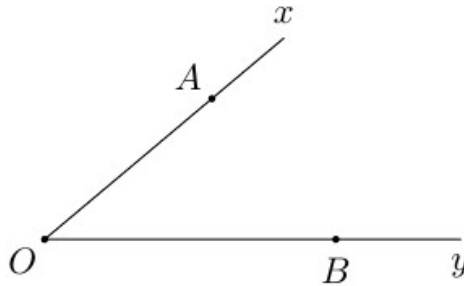
B. $\angle xOz, \angle zOx, \angle xOt$.

C. $\angle xOt, \angle xOz, \angle xtz$.

D. $\angle xOt, \angle tOz, \angle xOz$.



Câu 12: <NB> Chọn cách đọc sai.



- A. Góc AOB . B. Góc yOx . C. Góc Oxy . D. Góc BOA .

Câu 13: <NB> Góc bẹt bằng

- A. 90° . B. 180° . C. 75° . D. 45° .

Câu 14: <TH> Cho số đo các góc sau: 135° ; 50° ; 10° ; 90° ; 165° ; 131° ; 15° ; 65° . Trong đó có bao nhiêu góc nhọn?

- A. 4 B. 5 C. 6 D. 7

Câu 15: <NB> Dữ liệu nào sau đây là số liệu?

- A. Bảng danh sách học tên học sinh lớp 6B. B. Tên các tỉnh phía Bắc.
C. Bảng điểm tổng kết học kì I môn toán lớp 6B. D. Tên các lớp trong trường.

Câu 16: <NB> An liệt kê năm sinh một số thành viên trong gia đình để làm bài tập môn Toán 6, được dãy dữ liệu như sau: 1971 2021 1999 2050
Giá trị không hợp lý trong dãy dữ liệu về năm sinh của các thành viên trong gia đình An là:

- A. 2050. B. 2021. C. 1999. D. 1971

Câu 17: <TH> Gieo một con xúc xắc 20 lần, có bao nhiêu kết quả có thể xảy ra?

- A. 20. B. 2. C. 5. D. 6.

Câu 18: <NB> Cho bảng số liệu thống kê sau

Loại nước uống	Nước cam	Nước dừa	Nước chanh	Nước dừa hấu
Số người chọn	10	8	11	8

Loại nước uống nào được chọn nhiều nhất?

A. Nước cam. **B.** Nước dừa. **C.** Nước chanh. **D.** Nước dừa hấu.

Câu 19: <NB> Một sự kiện chắc chắn xảy ra, có khả năng xảy ra bằng:

A. 1. **B.** 0,5. **C.** 0. **D.** 0,99.

Câu 20: <TH> Tuấn chơi Sudoku 50 lần thì có 15 lần thắng cuộc. Tính xác suất thực nghiệm của sự kiện “Tuấn thắng khi chơi khi Sudoku”

A. $\frac{1}{5}$. **B.** $\frac{3}{10}$. **C.** $\frac{2}{5}$. **D.** $\frac{1}{2}$.

PHẦN II. PHẦN TRẮC NGHIỆM ĐÚNG/ SAI (2 Câu: 2,0 điểm)

Thí sinh trả lời từ câu 21, câu 22. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai

Câu 21: Bình gieo một con xúc sắc 100 lần và ghi lại số chấm xuất hiện ở mỗi lần gieo được kết quả như sau:

Số chấm xuất hiện	1	2	3	4	5	6
Số lần	15	20	18	22	10	15

a. (NB) Số lần xuất hiện mặt 4 chấm là 22.

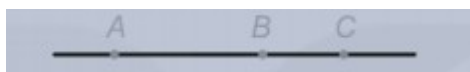
b. (TH) Xác suất thực nghiệm của sự kiện “Số chấm xuất hiện mặt 6

chấm” là $\frac{3}{20}$

c. (TH) Xác suất thực nghiệm của sự kiện “ Số chấm xuất hiện lớn hơn 3” là $\frac{47}{100}$.

d. (TH) Số kết quả có thể xảy ra đối với mặt xuất hiện của xúc sắc là: 15

Câu 22: Cho hình vẽ sau:



a. (NB) Ba điểm A, B và C thẳng hàng.

b. (NB) Hai tia BA và CB là hai tia đối nhau.

c. (TH) Điểm A nằm giữa hai điểm B và C.

d. (TH) Ba đoạn thẳng AB, BC và AC cùng nằm trên một đường thẳng.

PHẦN III. TỰ LUẬN (3 câu: 3,0 điểm)

Thí sinh trình bày lời giải chi tiết các câu 23, 24, 25.

Câu 23 (1,0 điểm): a) Thực hiện phép tính một cách hợp lí: $\frac{-2}{19} + \frac{8}{13} - \frac{17}{19} + 1\frac{3}{4} + \frac{-5}{-13}$

b) Tìm x, biết: $\frac{1}{8} + x = 0,5\frac{3}{4}$

Câu 24 (1,0 điểm): Bạn Minh gieo một con xúc sắc 100 lần và ghi lại số chấm xuất hiện ở mỗi lần gieo được kết quả sau:

Số chấm xuất hiện	1	2	3	4	5	6
Số lần	20	15	19	21	15	10

a) Tính xác suất thực nghiệm của sự kiện “xuất hiện mặt 2 chấm”?

b) Tính xác suất thực nghiệm của sự kiện “số chấm xuất hiện là số chẵn”.

Câu 25 (1,0 điểm): Vẽ tia Ox , trên tia Ox lấy hai điểm A và B sao cho

$OA = 2cm$, $OB = 7cm$. Trên tia đối của tia Ox lấy điểm C sao cho $OC = 3cm$.

a) **(TH)** Tính độ dài đoạn thẳng AB ?

b) **(VD)** Điểm A có phải là trung điểm của đoạn thẳng BC không? Vì sao?

! HẾT

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN NHIỀU LỰA CHỌN**BẢNG ĐÁP ÁN**

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
D	B	D	A	C	D	A	A	C	D	D	C	B	A	C	A	D	C	A	B

PHẦN II. PHẦN TRẮC NGHIỆM ĐÚNG/ SAI (2,0 ĐIỂM)

Câu 21	a- Đ	b- Đ	c- S	d- S
Câu 22	a- Đ	b- S	c- Đ	d- Đ

Câu 21: Bình gieo một con xúc sắc 100 lần và ghi lại số chấm xuất hiện ở mỗi lần gieo được kết quả như sau:

Số chấm xuất hiện	1	2	3	4	5	6
Số lần	15	20	18	22	10	15

- a. (NB) Số lần xuất hiện mặt 4 chấm là 22.
 b. (TH) Xác suất thực nghiệm của sự kiện “Số chấm xuất hiện mặt 6 chấm” là $\frac{3}{20}$
 c. (TH) Xác suất thực nghiệm của sự kiện “Số chấm xuất hiện lớn hơn 3” là 47.
 d. (TH) Số kết quả có thể xảy ra đối với mặt xuất hiện của xúc sắc là: 15

Lời giải

- a. Số lần xuất hiện mặt 4 chấm là 22. (Đúng)
 b. Số lần xuất hiện mặt 6 chấm là 15.
 Xác suất thực nghiệm của sự kiện “Số chấm xuất hiện mặt 6 chấm” là

$$\frac{15}{100} = \frac{3}{20} \text{ (Đúng)}$$

- c. Số lần xuất hiện số chấm lớn hơn 3 là $22 + 10 + 15 = 47$

Xác suất thực nghiệm của sự kiện “Số chấm xuất hiện lớn hơn 3” là $\frac{47}{100}$ (Sai)

- d. Số kết quả có thể xảy ra đối với mặt xuất hiện của xúc sắc là: 6. (Sai)

Câu 22: Cho hình vẽ sau:

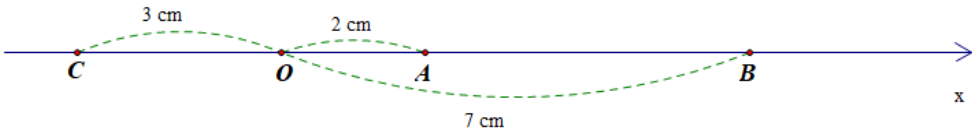


- a. Ba điểm A, B và C thẳng hàng. (Đúng)
 b. Hai tia BA và CB là hai tia đối nhau. (Sai)
 c. Điểm A nằm giữa hai điểm B và C . (Đúng)
 c. Ba đoạn thẳng AB, BC và AC cùng nằm trên một đường thẳng. (Đúng)

PHẦN III. PHẦN TỰ LUẬN (Chia nhỏ đáp án đến thang điểm 0,25)

Câu	Đáp án	Biểu điểm
-----	--------	-----------

		m														
23	<p>a) Thực hiện phép tính một cách hợp lí: $\frac{-2}{19} + \frac{8}{13} - \frac{17}{19} + 1\frac{3}{4} + \frac{-5}{-13}$</p> <p>b) Tìm x, biết: $\frac{1}{8} + x = 0,5 \cdot \frac{3}{4}$</p>															
a)	$\frac{-2}{19} + \frac{8}{13} - \frac{17}{19} + 1\frac{3}{4} + \frac{-5}{-13}$ $= \left(\frac{-2}{19} - \frac{17}{19} \right) + \left(\frac{8}{13} + \frac{-5}{-13} \right) + 1\frac{3}{4}$	0,25														
	$= (-1) + 1 + 1\frac{3}{4}$ $= 1\frac{3}{4} = \frac{7}{4}$	0,25														
b)	$\frac{1}{8} + x = 0,5 \cdot \frac{3}{4}$ $\frac{1}{8} + x = \frac{3}{8}$	0,25														
	$x = \frac{3}{8} - \frac{1}{8}$ $x = \frac{1}{4}$ <p>Vậy $x = \frac{1}{4}$</p>	0,25														
24	<p>Bạn Minh gieo một con xúc xắc 100 lần và ghi lại số chấm xuất hiện ở mỗi lần gieo được kết quả sau:</p> <table><tr><td>Số chấm xuất hiện</td><td>1</td><td>2</td><td>3</td><td>4</td><td>5</td><td>6</td></tr><tr><td>Số lần</td><td>20</td><td>15</td><td>19</td><td>21</td><td>15</td><td>10</td></tr></table> <p>a) Tính xác suất thực nghiệm của sự kiện “xuất hiện mặt 2 chấm”?</p> <p>b) Tính xác suất thực nghiệm của sự kiện “số chấm xuất hiện là số chẵn”.</p>	Số chấm xuất hiện	1	2	3	4	5	6	Số lần	20	15	19	21	15	10	
Số chấm xuất hiện	1	2	3	4	5	6										
Số lần	20	15	19	21	15	10										
a)	Xác suất thực nghiệm của sự kiện “xuất hiện mặt 2 chấm” là $\frac{15}{100} = \frac{3}{20}$	0,5														
b)	Số lần gieo mà số chấm xuất hiện là số chẵn là: $15 + 21 + 10 = 46$ Xác suất thực nghiệm của sự kiện “số chấm xuất hiện là số chẵn” là: $\frac{46}{100} = \frac{23}{50}$	0,5														
25	Vẽ tia Ox , trên tia Ox lấy hai điểm A và B sao cho $OA = 2cm, OB = 7cm$. Trên tia đối của tia Ox lấy điểm C sao cho $OC = 3cm$.															

	<p>a) (TH) Tính độ dài đoạn thẳng AB ?</p> <p>b) (VD) Điểm A có phải là trung điểm của đoạn thẳng BC không? Vì sao?</p>	
		
a)	<p>Vì điểm A nằm giữa hai điểm O và B nên $OA + AB = OB$</p> <p>$2 + AB = 7$</p> <p>$AB = 5 \text{ (cm)}$</p>	
b)	<p>Vì A thuộc tia Ox, C thuộc tia đối của tia Ox nên O nằm giữa A và C</p> <p>Ta có $OA + OC = AC$</p> <p>$2 + 3 = AC$ hay $AC = 5 \text{ (cm)}$</p> <p>Vì A nằm giữa B, C và $AB = AC = 5 \text{ (cm)}$ nên A là trung điểm của đoạn thẳng BC</p>	

PHÒNG GD&ĐT PHÚ THỌ
ĐỀ SỐ 2

ĐỀ KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ CUỐI KÌ II
NĂM HỌC 2024-2025.
MÔN: TOÁN 6
Thời gian: 90 phút (không kể thời gian giao đề)

ĐỀ BÀI

PHẦN I. PHẦN TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN NHIỀU LỰA CHỌN (5,0 ĐIỂM)

Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 20. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn 1 phương án.

Câu 1 <NB> Trong các cách viết sau, cách viết nào cho ta một phân số?

- A.** $\frac{-2,5}{4}$. **B.** $\frac{-15}{27}$. **C.** $\frac{2,3}{4,5}$. **D.** $\frac{25}{0}$.

Câu 2 <TH> Kết quả của phép cộng $\frac{1}{2} + \frac{-2}{3}$ là

- A.** $\frac{-1}{5}$. **B.** $\frac{1}{5}$. **C.** $\frac{-1}{6}$. **D.** $\frac{1}{6}$.

Câu 1 <NB> Số đối của $-\frac{7}{8}$ là

- A.** $\frac{8}{7}$. **B.** $\frac{7}{8}$. **C.** $-\frac{7}{8}$. **D.** $-\frac{8}{7}$.

Câu 4 <TH> Giá trị của biểu thức $\frac{1}{2} - \frac{-3}{4}$ là

- A.** $\frac{5}{4}$. **B.** $\frac{2}{8}$. **C.** $-\frac{1}{2}$. **D.** $-\frac{1}{4}$.

Câu 5 <VD> Một khu vườn hình chữ nhật có chiều dài 5,5m. Chiều rộng bằng $\frac{2}{5}$ chiều dài. Diện tích khu vườn là

- A.** $7,7 \text{ m}^2$ **B.** $12,1 \text{ m}^2$ **C.** $15,4 \text{ m}^2$ **D.** $2,2 \text{ m}^2$.

Câu 6 <NB> $1\frac{3}{4}$ của $0,25$ là

- A. $\frac{5}{16}$. B. $\frac{9}{16}$. C. $\frac{3}{16}$. D. $\frac{7}{16}$.

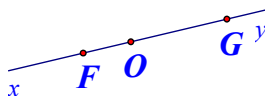
Câu 7 <TH> Phân số thập phân $\frac{-7}{100}$ được viết dưới dạng số thập phân là

- A. $0,07$. B. $-0,07$. C. $0,7$. D. $-0,7$.

Câu 8 <TH> Kết quả của phép tính $-13,45 - 7,98 - 8,55$ là:

- A. $-29,98$. B. $-29,89$. C. $-28,98$. D. $-28,89$.

Câu 9 <NB> Quan sát hình vẽ bên, khẳng định nào sau đây là **sai**?

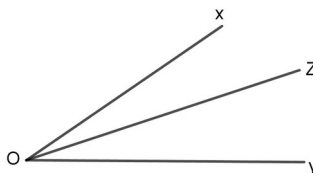


- A. Ba điểm O, F, G thẳng hàng.
 B. Không còn điểm nào khác nằm giữa hai điểm F và G ngoài điểm O .
 C. Hai điểm F và G nằm khác phía so với điểm O .
 D. Hai điểm F và O nằm cùng phía so với điểm G .

Câu 10 <NB> Chọn đáp án sai. Nếu I là trung điểm của đoạn thẳng AB thì

- A. $IA = IB$. B. $IA + IB = 2AB$.
 C. I nằm giữa hai điểm A và B . D. $IA = IB = \frac{1}{2}AB$.

Câu 11 <NB> Cho hình vẽ. Số góc tạo thành là



- A. 1. B. 2. C. 3. D. 4.

Câu 12 <NB> Cho góc $\widehat{MNP}$. Đỉnh và các cạnh của góc là

- A. đỉnh là M , các cạnh là MN, MP . B. đỉnh là P , các cạnh là PM, PN .
 C. đỉnh là N , các cạnh là NM, NP . D. Đỉnh là N , các cạnh là MN, PN .

Câu 13 <NB> Góc bẹt là góc có hai cạnh là hai tia

- A. chung gốc. B. phân biệt. C. đối nhau. D. trùng nhau.

Câu 14 <TH> Cho $\widehat{xOy} = 90^\circ$ và điểm M nằm trong góc đó. Khẳng định đúng là

- A. $\widehat{xOy} = \widehat{xOM}$. B. $\widehat{xOy} > \widehat{xOM}$.
 C. $\widehat{xOy} < \widehat{xOM}$. D. $\widehat{yOM} = \widehat{xOM}$.

Câu 15 <NB> Trong các phát biểu sau dữ liệu nào không phải là số liệu?

- A. Điểm trung bình cuối năm của mỗi môn học.
- B. Xếp loại thi đua khen thưởng của học sinh cuối năm.
- C. Số học sinh phải thi lại môn toán.
- D. Ghi lại số trận thắng thua của hai đội tuyển bóng đá.

Câu 16 <NB> Bác Hoàn khai trương cửa hàng bán áo sơ mi. Thống kê số lượng các loại áo đã bán được trong tháng đầu tiên như bảng sau (đơn vị: chiếc)

Cỡ áo (Size)	37	38	39	40	41	42
Số áo bán được	20	29	56	65	47	18

Áo cỡ nào bán được nhiều nhất?

- A. 40.
- B. 65.
- C. 42.
- D. 18.

Câu 17 <TH> Khi tung một đồng xu cân đối và quan sát mặt xuất hiện của nó. Có thể xảy ra mấy kết quả?

- A. 1
- B. 2
- C. 3
- D. 4

Câu 18 <NB> Gieo một con xúc xắc, sự kiện “số chấm xuất hiện là số nguyên tố” xảy ra khi số chấm trên con xúc xắc là bao nhiêu? Chọn câu **sai**

- A. 2
- B. 2; 5
- C. 1; 4; 6
- D. 2; 3; 5

Câu 19 <NB> Một sự kiện không xảy ra, có khả năng xảy ra bằng:

- A. 1.
- B. 0,5.
- C. 0.
- D. 0,99.

Câu 20 <TH> Tung một đồng xu ^{15} liên tiếp thấy mặt ngửa xuất ^{7} lần thì xác suất thực nghiệm xuất hiện mặt ngửa là

- A. $\frac{15}{7}$.
- B. $\frac{12}{7}$.
- C. $\frac{7}{15}$.
- D. $\frac{7}{22}$.

PHẦN II. PHẦN TRẮC NGHIỆM ĐÚNG/ SAI (2 Câu: 2,0 điểm)

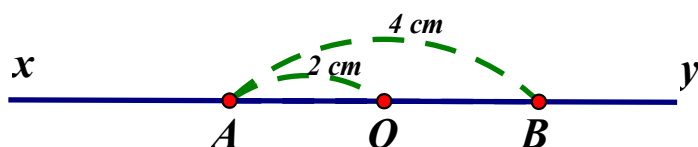
Thí sinh trả lời từ câu 21, câu 22. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai

Câu 21 : Minh gieo một con xúc xắc ^{60} lần ta được kết quả ở bảng sau:

Mặt	1 chấm	2 chấm	3 chấm	4 chấm	5 chấm	6 chấm
Số lần xuất hiện	8	12	9	10	7	14

- a) Có 6 kết quả có thể xảy ra.
- b) Số lần xuất hiện mặt có số chấm chẵn là 32.
- c) Xác suất thực nghiệm của sự kiện gieo được mặt 2 chấm là 20%.
- d) Xác suất thực nghiệm của sự kiện gieo được mặt có số chấm là số nguyên tố là $\frac{4}{15}$.

Câu 22 : Cho hình vẽ sau:



- a) Ba điểm A, O, B thẳng hàng.
 b) Hai tia AB và BA là hai tia trùng nhau.
 c) Độ dài đoạn thẳng $OB = 2 \text{ cm}$.
 d) Điểm O là trung điểm của đoạn thẳng AB .

PHẦN III. TỰ LUẬN (3 câu: 3,0 điểm)

Thí sinh trình bày lời giải chi tiết các câu 23, 24, 25.

Câu 23 (1,0 điểm): a) Thực hiện phép tính một cách hợp lí:

$$\frac{-3}{5} \cdot \frac{1}{4} + \frac{-3}{5} \cdot \frac{3}{4} + \frac{3}{5}$$

$$\frac{5}{6} - \frac{7}{6} \cdot x = \frac{-4}{13} : \frac{2}{13}$$

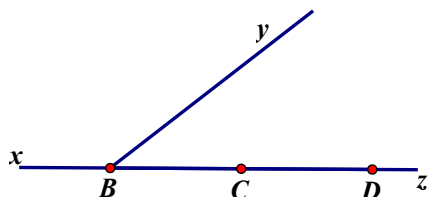
b) Tìm x , biết:

Câu 24 (1,0 điểm): Bạn Nam tung hai đồng xu cân đối 50 lần được kết quả dưới đây, trong đó bạn quên không điền số lần cả hai đồng xu cùng xuất hiện mặt sấp.

Sự kiện	Hai đồng ngửa	Một đồng ngửa, một đồng sấp	Hai đồng sấp
Số lần	11	26	?

Tính xác suất thực nghiệm của sự kiện xuất hiện hai đồng sấp?

Câu 25 (1,0 điểm): Quan sát hình vẽ và trả lời các câu hỏi sau:



- a) Đọc tên các tia chung gốc B?
 b) Cho đoạn thẳng $BD = 3 \text{ cm}$. Gọi C là trung điểm của đoạn thẳng BD. Hãy tính độ dài đoạn thẳng BC?

! HẾT

Đáp án: ĐỀ 2

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN NHIỀU LỰA CHỌN

BẢNG ĐÁP ÁN

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
B	C	B	A	B	D	B	A	B	D	C	C	C	B	B	A	B	D	C	C

PHẦN II. PHẦN TRẮC NGHIỆM ĐÚNG/ SAI (2,0 ĐIỂM)

Câu 21	a- Đ	b- S	c- Đ	d- S
Câu 22	a- Đ	b- S	c- Đ	d- Đ

Câu 21: Minh gieo một con xúc xắc 60 lần ta được kết quả ở bảng sau:

Mặt	1 chấm	2 chấm	3 chấm	4 chấm	5 chấm	6 chấm
Số lần	8	12	9	10	7	14

xuất hiện						
-----------	--	--	--	--	--	--

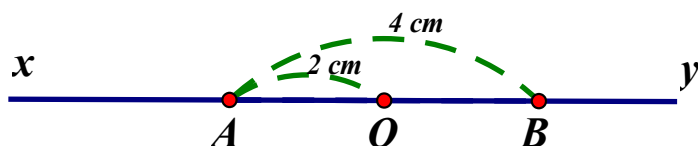
- a) Có 6 kết quả có thể xảy ra.
 b) Số lần xuất hiện mặt có số chấm chẵn là 32.
 c) Xác suất thực nghiệm của sự kiện gieo được mặt 2 chấm là 20%.
 d) Xác suất thực nghiệm của sự kiện gieo được mặt có số chấm là số nguyên tố là $\frac{4}{15}$.

Lời giải

- a) Có 6 kết quả có thể xảy ra là: 1 chấm, 2 chấm, 3 chấm, 4 chấm, 5 chấm, 6 chấm. (Đúng)
 b) Số lần xuất hiện mặt có số chấm chẵn là: $12 + 10 + 14 = 36$ (chấm) (Sai)
 c) Xác suất thực nghiệm của sự kiện gieo được mặt 2 chấm là $\frac{12}{60} = 20\%$ (Đúng)
 d) Xác suất thực nghiệm của sự kiện gieo được mặt có số chấm là số nguyên tố là

$$\frac{12+9+7}{60} = \frac{28}{60} = \frac{7}{15} \text{ (Sai)}$$

Câu 22 : Cho hình vẽ sau:



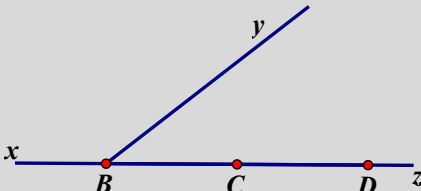
- a) Ba điểm A, O, B thẳng hàng.
 b) Hai tia AB và BA là hai tia trùng nhau.
 c) Độ dài đoạn thẳng $OB = 2 \text{ cm}$.
 d) Điểm O là trung điểm của đoạn thẳng AB .

Lời giải

- a) 3 điểm A, O, B cùng thuộc đường thẳng xy nên chúng thẳng hàng. (Đúng)
 b) Hai tia AB và BA không chung gốc nên không trùng nhau. (Sai)
 c) Vì O nằm giữa 2 điểm A và B nên $OA + OB = AB$
 $2 + OB = 4$
 $OB = 2(\text{cm})$. (Đúng)
 d) Vì O nằm giữa 2 điểm A, B và $OA = OB = 2(\text{cm})$ nên điểm O là trung điểm của đoạn thẳng AB . (Đúng)

PHẦN III. PHẦN TỰ LUẬN (Chia nhỏ đáp án đến thang điểm 0,25)

Câu	Đáp án	Biểu điểm m
23	a) Thực hiện phép tính một cách hợp lí: $-\frac{3}{5} \cdot \frac{1}{4} + \frac{-3}{5} \cdot \frac{3}{4} + \frac{3}{5}$	

	<div>$\frac{5}{6} - \frac{7}{6} \cdot x = \frac{-4}{13}; \frac{2}{13}$</div> <div>b) Tìm x, biết:</div>									
a)	<div>$\frac{-3}{5} \cdot \frac{1}{4} + \frac{-3}{5} \cdot \frac{3}{4} + \frac{3}{5}$$= \frac{3}{5} \cdot \frac{-1}{4} + \frac{3}{5} \cdot \frac{-3}{4} + \frac{3}{5} \cdot 1$</div>	0,25								
	<div>$= \frac{3}{5} \cdot \left(\frac{-1}{4} + \frac{-3}{4} + 1 \right)$$= \frac{3}{5} \cdot 0 = 0$</div>	0,25								
b)	<div>$\frac{5}{6} - \frac{7}{6} \cdot x = \frac{-4}{13}; \frac{2}{13}$$\frac{5}{6} - \frac{7}{6} \cdot x = -2$$\frac{7}{6} \cdot x = \frac{5}{6} - (-2)$</div>	0,25								
	<div>$\frac{7}{6} \cdot x = \frac{17}{6}$$x = \frac{17}{7}$</div>	0,25								
24	<div>Bạn Nam tung hai đồng xu cân đối 50 lần được kết quả dưới đây, trong đó bạn quên không điền số lần cả hai đồng xu cùng xuất hiện mặt sấp.</div> <table><tr><td>Sự kiện</td><td>Hai đồng ngửa</td><td>Một đồng ngửa, một đồng sấp</td><td>Hai đồng sấp</td></tr><tr><td>Số lần</td><td>11</td><td>26</td><td>?</td></tr></table> <div>Tính xác suất thực nghiệm của sự kiện xuất hiện hai đồng sấp?</div>	Sự kiện	Hai đồng ngửa	Một đồng ngửa, một đồng sấp	Hai đồng sấp	Số lần	11	26	?	
Sự kiện	Hai đồng ngửa	Một đồng ngửa, một đồng sấp	Hai đồng sấp							
Số lần	11	26	?							
	Số lần xuất hiện hai đồng sấp là : $50 - 11 - 26 = 13$	0,5								
	Xác suất thực nghiệm của sự kiện xuất hiện hai đồng sấp là $\frac{13}{50}$	0,5								
25	<div>Quan sát hình vẽ và trả lời các câu hỏi sau:</div> <div></div>									

	a) Đọc tên các tia chung gốc B? b) Cho đoạn thẳng $BD = 3\text{cm}$. Gọi C là trung điểm của đoạn thẳng BD . Hãy tính độ dài đoạn thẳng BC?	
	a) Các tia chung gốc B là: Bx, By, BC, BD, Bz.	0,5
	b) Vì C là trung điểm của đoạn thẳng BD nên $CB = CD = \frac{BD}{2} = \frac{3}{2} = 1,5(\text{cm})$	0,5

! HẾT !